

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST

Ngày: 20 - 02 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản
và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người
chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền

Ông Thái Hoàng Bo

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 20 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn K, sinh năm 1985; Cư trú tại: Ấp Th H A, xã T Th, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Tổ Nh, sinh năm 1995; Địa chỉ: Hẻm Th S M, khóm 8, phường 7, thành phố C M, tỉnh Cà Mau. (có mặt);

- Bị đơn:

+ Ông Trần Văn Gi, sinh năm 1939; Cư trú tại: Ấp Th H, xã T Th, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt);

+ Bà Ngô Hồng Nh; Cư trú tại: Ấp Th H, xã T Th, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt);

+ Anh Trần Nhật Nh, sinh năm 2003; Cư trú tại: Ấp Th H, xã T Th, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt);

+ Chị Trần Yến Nh1, sinh năm 2002; Cư trú tại: Ấp Th H, xã T Th, huyện Đ

D, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt);

+ Chị Trần Thị Hằng N (Trần Thị Hằng Ny); Cư trú tại: Ấp Hòa Hải, xã T Th, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Đỗ Văn K và người đại diện theo ủy quyền của ông K – bà Nguyễn Tố Tr trình bày:*

Năm 2016, ông K có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Trần Văn Thắng Nh (M H) để ông Nh nuôi tôm công nghiệp. Tính đến ngày 01/9/2019 ông Nh còn nợ lại ông K số tiền 197.465.000 đồng. Hiện nay ông Nh đã chết Trng vẫn chưa thanh toán số tiền nêu trên cho ông K. Do đó, ông K yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông Nh gồm ông Gi (cha ruột), bà C (vợ), chị N (con), chị Yến Nh1 (con) và anh Nhật Nh (con) trả số tiền số tiền 197.465.000 đồng.

** Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn Gi trình bày:*

Ông Trần Văn Thắng Nh (M H) là con ruột của ông, đã chết 3-4 năm nay. Ông Hí có vợ là Ngô Hồng C, con là Trần Nhật Nh, Trần Yến Nh và Trần Thị Hằng N. Lúc ông Hí còn sống, ông có tặng cho phần đất diện tích hơn 20.000m². Hiện tại việc tặng cho con xong ông không yêu cầu gì đến phần đất này cũng Tr không nhận phần tài sản của con ông để lại. Việc làm ăn buôn bán của ông Hí ông không rõ nên ông không liên quan đến khoản nợ mà ông K khởi kiện. Do đó, ông xin từ chối tham gia giải quyết vụ án, yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt ông.

** Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Hằng N trình bày:*

Cha chị là ông Trần Văn Thắng Nh (M H) đã chết vào ngày 09/8/2019 âm lịch. Cha của ông Hí là Trần Văn Gi và mẹ tên Cúc, bà Cúc đã chết trước ông Hí. Vợ của ông Hí là Ngô Hồng C, các con là Trần Nhật Nh, Trần Yến Nh và Trần Thị Hằng N. Khi còn sống chung với cha mẹ, chị N xác định không biết gì về việc làm ăn và các khoản nợ của ông K. Tài sản của cha khi chết để lại có hơn 2ha đất nuôi trồng thủy sản ở ấp Th H, xã T Th, trên đất có một căn nhà. Phần đất này sau khi cha chị mất mẹ chị và các anh chị em chị không có quản lý. Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông K chị muốn bàn bạc thống nhất với mẹ và các anh chị em nên chị chưa đồng ý với các khoản nợ này.

** Đối với bà Ngô Hồng Nh, anh Trần Nhật Nh, chị Trần Yến Nh:*

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà C, anh Nhật Nh, chị Yến Nh1 biết về yêu cầu khởi kiện của ông K Trng bà Nh, anh Nhật Nh, chị Yến Nh không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

** Tại phiên tòa:*

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 615 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn K, buộc ông Trần Văn Giải, bà Ngô Hồng C, anh Trần Nhật Nh, chị Trần Yến Nh1, chị Trần Thị Hằng N có trách Nhiệm liên đới trả cho ông Đỗ Văn K số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm là 197.465.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Văn Gi có yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Ngô Hồng C, anh Trần Nhật Nh, chị Trần Yến Nh1, chị Trần Thị Hằng N đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai Trng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông K khởi kiện ông Gi, bà C, anh Nhật Nh, chị Yến Nh1 và chị N là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn Thắng Nh trả lại số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm là 197.465.000 đồng theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 615 Bộ luật Dân sự đây là tranh chấp hợp đồng dân sự cụ thể hợp đồng mua bán tài sản và thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông K, thấy rằng: Giữa ông K với ông Thắng Nh (M H) có hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm, hai bên có cùng nhau chốt nợ bằng biên nhận có chữ ký của ông M H (BL 06). Mặt khác, suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Nh biết về yêu cầu khởi kiện của ông K Trng ông Gi, bà Nh, anh Nhật Nh và chị Yến Nh không có ý kiến về biên nhận nợ giữa ông Nh và ông K, đồng thời cũng không ai yêu cầu trưng cầu giám định đối với chữ ký trong biên nhận ngày 01/9/2019 dương lịch. Mặt khác, chị N là con ruột ông Nh cũng xác định ông Nh chết ngày 07/9/2019 âm lịch, sau thời điểm ký biên nhận nợ với ông K. Đồng thời, tại Văn bản cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân xã T Th xác định ông Trần Văn Thắng Nh không đăng ký khai tử ở địa phương nên việc xác định thời điểm chết của ông Nh chết theo lời khai của chị N là phù hợp.

Xét về hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuộc thủy sản của các bên đúng quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự. Theo đó, ông K là bên bán, ông Nh là bên mua Trng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự. Tuy Nhiên, ông Nh đã chết cho nên hàng thừa

kế của ông Nh có trách nhiệm trả số tiền 197.465.000 đồng cho ông K trong phạm vi di sản của ông Nh để lại là phù hợp.

Về lãi suất và các vấn đề khác các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Gi, bà Nh, anh Nhật Nh, chị Yên Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Mặc dù ông Gi thuộc trường hợp được miễn án phí Trng theo quy định pháp luật, ông Gi phải có hồ sơ xin xét miễn án phí thì mới đủ điều kiện xét miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 430, khoản 1 Điều 440, 615 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn K.

Buộc ông Trần Văn Gi, bà Ngô Hồng C, anh Trần Nhật Nh, chị Trần Yên Nh1 và chị Trần Thị Hằng N có trách Nhiệm liên đới trả cho ông Đỗ Văn K tổng số tiền 197.465.000 đồng (một trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) trong phạm vi di sản do ông Trần Văn Thắng Nh chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Đỗ Văn K cho đến khi thi hành xong tất cả số tiền nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Trần Văn Gi, bà Ngô Hồng Nh, anh Trần Nhật Nh, chị Trần Yên Nh và chị Trần Thị Hằng N phải liên đới chịu số tiền 9.873.250 đồng (Chín triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng) (chưa nộp);

2.2. Ông Đỗ Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông K 2.468.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0013106 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án huyện Đ D.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Ông Đỗ Văn K có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn Gi, bà Ngô Hồng C, anh Trần Nhật Nh, chị Trần Yến Nh1 và chị Trần Thị Hằng N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc